

UNIT 5

Class	New Word	Meaning
		không lời
		bằng lời
		cau mày
		gật đầu
		độc dược
		có độc, độc hại
		giải quyết
		manh mối, gợi ý
		thúc khuỷu tay
		nơi giao nhau giữa đường bộ và đường sắt
		người đi bộ
		sự bị điện giật
		có thể lây nhiễm
		lây nhiễm
		chất (nói chung)
		xuất viện
		tiết lộ
		phóng xạ
		bắt tay
		lắc
		nhún vai
		điểm
		vẫy tay
		con sóng
		chỉ

UNIT 5

Class	New Word	Meaning
		nháy mắt
		tát
		đánh, vút ve
		nhìn chằm chằm
		liếc mắt
		đồng cảm, thông cảm
		cù lét, thọc lét
		phù hợp, thích hợp
		kí tên
		đăng kí
		có vẻ như, dường như
		lẻ mếp
		làm rõ, chỉ ra
		thúc đẩy, tạo động lực
		mối quan hệ giao tiếp theo tốt
		liên quan tới tiến hóa
		âm vực
		diễn hình
		sự đánh giá
		ngoại lệ
		tổ tiên
		tiếp cận
		tiến hành
		thuộc về thí nghiệm
		diễn kịch

UNIT 5

Class	New Word	Meaning
		mối đe dọa
		đe dọa
		giao diện
		công thái học
		viễn cảnh
		báo động, cảnh giác
		sự cảnh giác
		đặc điểm
		đi trước (công nghệ)
		cấp bách
		truyền tải
		báo trước
		quan sát
		sự quan sát
		kích thích
		sừng
		mô phỏng
		có tri giác
		ngữ cảnh
		thuộc về ngữ cảnh
		tổng hợp
		đa, nhiều
		sự nhận thức
		tiên quyết, quan trọng
		trừ tượng